

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT
HỘI ĐỒNG THI: THPT CHUYÊN LÝ TỰ TRỌNG
Khóa ngày: 22/06/2021

DANH SÁCH THÍ SINH PHÚC KHẢO

TT	Số phòng thi	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Học sinh trường THCS	Môn thi ngoại ngữ	Đăng ký phúc khảo môn (đánh dấu x vào ô tương ứng)				Ghi chú (Môn chuyên)
							Toán	Ngoại ngữ	Ngữ văn	Môn chuyên	
1	1573	130027	NGUYỄN HIẾU THÔNG	15/06/2006	Giai Xuân	Tiếng Anh				x	Tin học
2	1574	130036	ĐINH HOÀNG QUỲNH ANH	17/03/2006	Bình Thủy	Tiếng Anh				x	Toán
3	1574	130049	VÕ NGUYỄN KHÁNH ĐĂNG	21/07/2006	Trung Hưng	Tiếng Anh				x	Toán
4	1574	130050	NGUYỄN KHẮC ĐẠT	13/12/2006	Đoàn Thị Điểm	Tiếng Anh				x	Toán
5	1575	130067	CHÂU VĨNH HUY	11/02/2006	Đoàn Thị Điểm	Tiếng Anh	x	x	x	x	Toán
6	1575	130073	DƯƠNG HỒNG ANH KHÔI	20/03/2006	Đoàn Thị Điểm	Tiếng Anh				x	Toán
7	1576	130083	TRẦN THỊ BẢO NGÂN	29/09/2006	Long Tuyền	Tiếng Anh				x	Toán
8	1576	130097	NGUYỄN GIA PHÁT	13/08/2006		Tiếng Anh			x		
9	1577	130102	HOÀNG NGUYỄN ANH QUÂN	28/05/2006		Tiếng Anh				x	Toán
10	1578	130126	NGUYỄN VĂN HOÀNG TÙNG	24/12/2006	Phú Thù	Tiếng Anh	x		x	x	Toán
11	1578	130131	NGUYỄN HIỀN VINH	09/12/2006	Đoàn Thị Điểm	Tiếng Anh			x		
12	1580	130157	NGUYỄN LÊ SỸ KHOA	08/05/2006	Đoàn Thị Điểm	Tiếng Anh	x		x		
13	1580	130160	LÊ HOÀNG MINH	10/09/2006	Lương Thế Vinh	Tiếng Anh				x	Vật lý
14	1581	130172	NGUYỄN PHÚC TRƯỜNG THANH	08/09/2006	Lương Thế Vinh	Tiếng Anh	x		x		
15	1584	130199	TRƯƠNG GIA HÂN	01/01/2006	Đoàn Thị Điểm	Tiếng Anh	x	x	x		
16	1585	130213	NGUYỄN THIỆN KHÔI	13/05/2006	Đoàn Thị Điểm	Tiếng Anh		x	x	x	Hóa học
17	1585	130216	NGUYỄN HỒNG LĨNH	20/04/2006	Lê Bình	Tiếng Anh	x	x	x	x	Hóa học
18	1585	130226	HUỲNH LÊ BẢO NGỌC	28/01/2006	Hưng Thạnh	Tiếng Anh			x	x	Hóa học

19	1586	130240	LÝ TÚ PHƯƠNG	18/06/2006	Đoàn Thị Diễm	Tiếng Anh				x	Hóa học
20	1586	130249	LŨ NGỌC LAN THANH	20/03/2006		Tiếng Anh				x	Hóa học
21	1586	130257	TRẦN THỊ THỦY TIÊN	13/02/2006	PT Việt Mỹ	Tiếng Anh	x		x		
22	1586	130258	TÔ TRẦN ĐỨC TÍN	17/08/2006	Lê Lợi	Tiếng Anh				x	Hóa học
23	1587	130264	NGUYỄN HUỲNH KHÁNH VÂN	20/01/2006	Lê Bình	Tiếng Anh	x		x		
24	1587	130271	HỒ THỊ KIM YÊN	19/08/2006	Đoàn Thị Diễm	Tiếng Anh	x	x	x	x	Hóa học
25	1589	130290	PHAN THỊ NGỌC DUNG	16/01/2006		Tiếng Anh				x	Tiếng Anh
26	1589	130292	ĐỖ VĂN DUY	17/05/2006	An Thới	Tiếng Anh				x	Tiếng Anh
27	1589	130295	CHÂU HẢI HÀM	04/04/2006	An Lạc	Tiếng Anh				x	Tiếng Anh
28	1590	130316	TRẦN NGỌC KHÁNH NGÂN	13/06/2006	Lương Thế Vinh	Tiếng Anh				x	Tiếng Anh
29	1591	130326	HÀ LÊ MINH NGỌC	04/01/2006	PT Việt Mỹ	Tiếng Anh		x	x		
30	1591	130336	NGUYỄN NHÂN TIẾN PHÁT	05/01/2006	An Hòa 2	Tiếng Anh	x	x	x		
31	1592	130350	NGUYỄN LAN THANH	16/03/2006	Lương Thế Vinh	Tiếng Anh				x	Tiếng Anh
32	1592	130364	LÝ THỨC VINH	21/09/2006	Đoàn Thị Diễm	Tiếng Anh	x	x	x		
33	1594	130376	TÔ PHƯƠNG ANH	18/02/2006	Thường Thạnh	Tiếng Anh				x	Ngữ văn
34	1594	130377	LIÊU GIA BỘI	27/01/2006	Châu Văn Liêm	Tiếng Anh				x	Ngữ văn
35	1594	130390	NGUYỄN THANH NGÂN	06/12/2006	An Thới	Tiếng Anh				x	Ngữ văn
36	1597	130426	NGUYỄN MINH KHUÊ	11/07/2006	Lương Thế Vinh	Tiếng Anh				x	Sinh học
37	1597	130428	LÊ THÀNH LONG	08/01/2006	Hưng Thạnh	Tiếng Anh				x	Sinh học
38	1597	130436	MAI HUỲNH NHƯ	03/02/2006	Phú Thù	Tiếng Anh			x	x	Sinh học
39	1602	130473	ĐOÀN ĐÀO MINH HIỂN	03/11/2006	Lương Thế Vinh	Tiếng Anh		x	x		
40	1602	130474	TRẦN DƯƠNG HIẾU	20/09/2006	Thới Bình	Tiếng Anh	x	x	x	x	Địa lý
41	1602	130484	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	19/06/2006	Lương Thế Vinh	Tiếng Anh	x	x	x		
42	1603	130493	PHAN NGUYỄN BÌNH YÊN	22/02/2006	Hưng Thạnh	Tiếng Anh				x	Địa lý
43	1604	130505	BÙI CHÍ TÍN	25/09/2006	Lương Thế Vinh	Tiếng Pháp	x	x	x	x	Tiếng Pháp
Tổng số							14	12	21	31	

Cần Thơ, ngày 22 tháng 06 năm 2021
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CỎI THI
(Ký tên và đóng dấu)